TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 29/2023/DS-PT Ngày: 06 - 02 - 2023 V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Bà Đinh Cẩm Đào

Ông Huỳnh Văn Yên

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02/12/2022 và từ ngày 03/02 đến 06/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 241/2022/TLPT-DS ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2022/DS-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 247/2022/QĐXX-PT ngày 27 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Tạ Văn H, sinh năm 1948

Địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Lâm Đồng K, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp T, xã G, huyện N, tỉnh Cà Mau.

2. Ông Phan Hoàng B, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Đường H, khóm 6, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau (văn bản uỷ quyền ngày 02/11/2022).

- *Bị đơn*: Ông Ngô Phú M, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Thanh T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn N, huyện N, Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

2. Vườn Quốc Gia Mũi C, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ: Ấp R, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

3. Bà Lâm Kim S (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Sáng:

- Ông Ngô Thanh T, sinh năm 1976.

- Chị Ngô Thanh Th, sinh năm 1977.

- Anh Ngô Phú E, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Anh Ngô Văn R, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Chị Ngô Ánh N, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Anh Ngô Thanh P, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Anh Ngô Phong Ph, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu phố H, phường G, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh.

Ông K, ông B, ông T và ông M có mặt; các đương sự khác vắng.

- *Người kháng cáo:* Ông Tạ Văn H, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Năm 1976, ông Tạ Văn B có cho ông H 01 phần đất chiều ngang 07m, chiều dài 13m tại ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau. Sau đó ông H cất nhà ở đến năm 1982 thì ông H dời về bên phần đất mẹ ở gần đó để ở, ông H có cho cháu tên Tạ Văn Thanh mượn ở được 02 năm thì trả lại đất cho ông H và dời đi nơi khác. Đến khoảng năm 1995, ông H phát hiện ông Ngô Phú M cất nhà và làm lò bánh mì trên phần đất của ông H. Sau đó ông H có gặp ông M yêu cầu trả đất thì vợ chồng ông M nói là cho vợ chồng ông M tiếp tục mượn, khi nào cần sử dụng cất nhà ở thì ông M sẽ trả lại. Khoảng 9/1995 thì giữa ông H và ông M có thỏa thuận đổi đất cho nhau, ông M sẽ được sử dụng phần đất mà ông Bếp cho ông H, ông H được sử dụng phần đất của ông M, nhưng sau này ông M lại

lấy phần đất đã đổi cho ông H để sang nhượng cho người khác nên xảy ra tranh chấp. Đến năm 2018, ông H có nhu cầu sử dụng đất để làm nhà ở và yêu cầu ông M trả lại đất nhưng ông M không thừa nhận lấn đất của ông H mà cho rằng ông M sang nhượng của ông Huỳnh Thanh D. Ông xác định ông Dân không có đất ở tại khu vực đất đang tranh chấp, chỉ là sau khi ông Thanh trả lại đất thì ông Dân có mượn nhà ở khoảng 02 tháng thì dời đi nơi khác.

Nay ông vẫn giữ quan điểm yêu cầu ông Ngô Phú M trả lại phần đất chiều ngang 06m, chiều dài 13m tại ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau, vị trí tứ cận:

- Hướng Đông giáp phần đất của ông Ngô Phú M.

- Hướng Tây giáp phần đất của bà Tạ Thị Lệ.

- Hướng Nam giáp lộ cấp 6 đồng bằng.

- Hướng Bắc giáp phần đất của ông Tạ Văn Hồ.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Không đồng ý với yêu cầu của phía nguyên đơn, vì ông M đã được cấp giấy tờ hợp pháp đối với phần đất đang tranh chấp. Phần đất này ông M sang nhượng lại của ông Huỳnh Thanh D vào năm 1990, khi sang nhượng hai bên có làm giấy tay nhưng không có xác nhận của chính quyền địa phương. Năm 2004 thì bà Lâm Kim Slà vợ ông M đã đăng ký kê khai tại UBND xã Đ, bà Sáng đã chết vào năm 2011. Trước đây, trên phần đất có 01 căn nhà của ông Khánh, hiện đã tháo dỡ và bà Ngô Thanh Th là con của ông Ngô Phú M có cất 01 căn nhà tạm trên phần đất đang tranh chấp. Ông xác định là ông M không có thỏa thuận hay trao đổi đất gì với ông H, đất là do ông M sang nhượng hợp pháp từ ông Dân, đã sử dụng ổn định từ năm 1990 cho đến nay nên không thống nhất trả lại đất cho ông H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thanh Th trình bày:

Chị là con ruột của ông Ngô Phú M, vào khoảng tháng 02/2022 âm lịch chị có cất 01 căn nhà tạm trên phần đất hiện đang tranh chấp giữa ông H và ông M để buôn bán nhỏ. Nhưng chị xác định chị và ông H đã thống nhất về việc cất nhà này, nếu sau này giải quyết là đất của ông H thì chị đồng ý tự tháo dỡ, di dời căn nhà tạm này, không có yêu cầu về phần căn nhà mà chị tự cất. Chị không có yêu cầu gì khác. Đối với tranh chấp đất giữa ông H và ông M thì chị xác định là đất của cha mẹ chị là ông M, bà Sáng, nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Văn Rơi trình bày:

Ông H cho rằng phần đất đang tranh chấp là của ông Tạ Văn Bếp cho lại ông H và cất nhà ở đến năm 1982. Sau đó, thì ông H cho ông Tạ Văn Thanh mượn ở nhưng 02 năm sau ông Thanh trả lại. Năm 1995, ông H phát hện ông Ngô Phú M cất nhà làm lò bánh mì trên phần đất ngang 6m x 13m và hai bên thỏa thuận cho mượn, khi nào ông H cần thì ông M trả lại là không có. Nếu ông H cho rằng phần đất nêu trên là của ông H, sao ông H không kiện đòi từ năm 1995 mà để kéo dài đến năm 2020 mới phát sinh tranh chấp, trong khi đó ông H

ở cặp ranh nhà của ông M. Anh yêu cầu Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của ông Tạ Văn H.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Thanh Tuấn, anh Ngô Phong Phú, chị Ngô Ánh Nguyệt và anh Ngô Phú Em trình bày: Đồng ý với toàn bộ nội dung trình bày của anh Ngô Văn Rơi đã trình bày trên.

Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau ý kiến:

Ủy ban nhân dân xã Đ được Ủy ban nhân dân tỉnh Minh Hải (nay là tỉnh Cà Mau) tạm giao đất theo Quyết Định số 520-QĐ/UB, ngày 24/10/1995 với diện tích 56ha. Ủy ban nhân dân xã đang thực hiện Quyết định 559/QĐ.CTUB, ngày 22/11/2004 về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm xã Đ, huyện N và ban hành điều lệ theo quy hoạch (chưa có Quyết định thay thế).

Theo sổ mục kê, bản đồ địa chính được thành lập 2006, tại phần đất tranh chấp thì bà Lâm Kim S(vợ ông Ngô Phú M) là người đứng ra kê khai đất đai tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 42, diện tích 125,4m^2 (Mục đích sử dụng đất ONT).

Mặt khác, theo Quyết định số 142/2003/QĐ-TTg, ngày 14/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ chuyển khu bảo tồn thiên Đất Mũi tỉnh Cà Mau thành Vườn quốc gia Mũi C, tỉnh Cà Mau (bao gồm Quyết Định số 520-QĐ/UB, ngày 24/10/1995 của Chủ tịch UBND tỉnh Minh Hải về việc tạm giao đất xây dựng khu dân cư xã Đ, huyện N với diện tích 56ha). Vì vậy, về mặt pháp lý hiện nay phần đất này thuộc Vườn Quốc Gia tỉnh Cà Mau quản lý.

Vườn Quốc gia Mũi C có ý kiến:

Phần đất đang tranh chấp giữa ông Tạ Văn H và ông Ngô Phú M có chiều ngang 07m, chiều dài 13m tọa lạc tại ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau thuộc khu đất 56ha theo Quyết Định số 520-QĐ/UB, ngày 24/10/1995 của Chủ tịch UBND tỉnh Minh Hải về việc tạm giao đất xây dựng khu dân cư xã Đ, huyện N và Ủy ban nhân dân xã Đ quản lý cho đến nay. Tuy nhiên, phần diện tích 56ha theo Quyết Định số 520-QĐ/UB, ngày 24/10/1995 của Chủ tịch UBND tỉnh Minh Hải nằm trong tổng diện tích 41.862ha do Vườn Quốc gia Mũi C quản lý theo Quyết định 142/2003/QĐ-TTg ngày 14/7/2003 của Thủ Tướng Chính phủ về việc chuyển Khu bảo tồn thiên nhiên thành Vườn Quốc gia Mũi C. Từ khi có Quyết định 142/2003/QĐ-TTg ngày 14/7/2003 của Thủ Tướng Chính phủ về việc chuyển Khu bảo tồn thiên nhiên thành Vườn Quốc gia Mũi C có hiệu lực đến nay Vườn Quốc gia Mũi C chưa cấp đất hoặc hợp đồng thuê khoán đất rừng cho cá nhân, tổ chức nào trên phần đất tranh chấp nêu trên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2022/DS-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Văn H về việc yêu cầu ông Ngô Phú M trả phần đất diện tích 57,6m^2 tọa lạc tại ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 09/8/2022 nguyên đơn ông Tạ Văn H kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông M trả lại 78m^2 đất.

Tại phiên tòa:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu bị đơn giao trả 78m^2 đất. Căn cứ kháng cáo: Nguồn gốc đất của ông H được cụ Btặng cho ngang 07m, dài 14m; toàn bộ khu đất giáp với đất tranh chấp nguyên trước đây là đất của dòng họ ông H, hiện tại những người thân tộc sinh sống, chỉ có vợ chồng ông M nhận sang nhượng ngang 11m, dài 14m từ vợ chồng ông Việt, bà Xuân (vợ chồng Việt sang từ cụ Hồ là người thân ông H), ngoài ra ông M không còn phần đất nào khác; chính bà Lâm Kim S(vợ ông M) kê khai từ năm 2006 với diện tích đất 125,4m^2 cộng với diện tích ông Lâm Văn Sanh (Sang) em bà Sáng đứng tên kê khai 37,7m^2 thì tương đương với diện tích đất vợ chồng ông M mua từ ông Việt, bà Xuân.

Đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Bởi vì bị đơn hiện đang quản lý khoảng 238m^2 có nguồn gốc nhận sang nhượng từ ông Việt bà Xuân năm 1990, phần đất tranh chấp ngang 06m, dài 07m vào khoảng năm 1990 nhận sang nhượng từ ông Dân. Bà Sáng vợ ông M đứng tên đăng ký kê khai, đã qua gia đình ông chưa được cấp QSD đất là vì diện tích đất nhỏ so với quy định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị tạm ngừng phiên tòa thu thập thêm chứng cứ: đất tranh chấp có được tạm giao cho người dân quản lý hay không? Ai là người đứng tên kê khai;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn giao trả diện tích đất ngang 06m, dài 14m, bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp quyền sử dụng đất" là đúng pháp luật. Án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên nguyên đơn kháng cáo.

[2] Xem xét nội dung kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn giao trả diện đất diện tích 78m^2 (ngang 6m, dài 13m) tọa lạc ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau. Bị đơn không đồng ý vì cho rằng đất do bị đơn nhận sang nhượng từ ông Dân. Do cả hai bên đương sự đều xác nhận phần đất thuộc quyền sử của mỗi bên, Hội đồng xét xử cần xem xét các vấn đề sau:

Xem xét về nguồn gốc đất tranh chấp, qua xem xét toàn diện chứng cứ thể hiện:

Cụ Tạ Văn Bồ (là người thân của ông H) đã tặng cho các con: cho cụ B ngang 07m, dài 13m (phần đất này cụ B cho ông H là phần đất đang tranh chấp); cụ Bồ cho cụ Gạo ngang 53m, cụ Gạo tặng cho lại ông Ơn 28m ngang (ông Ơn đã được cấp QSD đất), cụ Gạo tặng cho ông H ngang 14m (ông H đã được cấp QSD đất năm 2012) và cụ Gạo tặng cho ông Hồ ngang 11m, ông Hồ bán cho vợ chồng Việt, Xuân và vợ chồng Việt Xuân bán lại cho ông M bà Sáng. Lý do ông H được cụ Bếp, ông Hồ tặng cho đất là vì ông H là người quản lý, trông coi mồ mã ông bà. Sự việc ông H được tặng cho đất được nhiều nhân chứng xác nhận.

Bị đơn ông M trình bày năm 1990 nhận sang nhượng từ ông Huỳnh Thanh D phần đất chiều ngang 07m, dài 14m. Hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn xác nhận giấy mua bán bị thất lạc không còn lưu giữ, sự việc này ông H không chấp nhận và qua xem xét chứng cứ như xác minh nhân chứng tại địa phương và đại diện chính quyền địa phương xác nhận đất tranh chấp không phải nguồn gốc của ông Dân bởi vì ông Dân không có đất tại ấp K và cũng không có đất ở khu vực xung quanh đất tranh chấp.

Tại "Đơn xin xác nhận nguồn gốc đất" do chính vợ ông M là bà Lâm Kim S(hiện bà Sáng đã chết) viết ngày 10/10/2006 không thể hiện sang đất từ ông Dân, mà thể hiện nội dung năm 1982 sang đất từ bà Nguyễn Thị Xuân ngang 13m, dài 14m, trong "Đơn xin xác nhận nguồn gốc đất" bà Sáng ghi rõ ràng vị trí của thửa đất Đông, Tây, Nam, Bắc giáp ranh rất chi tiết, thể hiện hướng Đông giáp đất Lâm Văn Sanh là phù hợp với thẩm định thực tế, phù hợp với bản trích đo địa chính thể hiện đất của bà Sáng ông M thửa số 30 về hướng Đông giáp thửa số 75 đứng tên kê khai Lâm Văn Sang, giáp ranh ông Sang là thửa số 29 đất của ông H (theo nguyên đơn xác nhận Sanh là em ruột bà Sáng, mục kê ghi Sang chính là Sanh);

Như vậy, tại thời điểm năm 2006 khi còn sống bà Sáng đã xác định đất của vợ chồng bà Sáng ông M giáp đất ông Sanh chứ không phải giáp đất ông H. Vị trí đất mà bà Sáng xác nhận trong "Đơn xin xác nhận nguồn gốc đất" phù hợp với lời khai ông H, phù hợp với bản trích đo địa chính, phù hợp với giấy chứng nhận QSD đất đứng tên Tạ Văn H được cấp năm 2012; Tờ bản đồ số 40 thể hiện đất bà Sáng liền kề thửa đất ông Sanh rồi mới đến thửa đất ông H. Lời trình bày trong "Đơn xin xác nhận nguồn gốc đất" của Sáng về diện tích đất là tương đối phù hợp với diện tích đất mà vợ chồng bà Sáng-ông M mua từ bà Xuân 12m x 14m = 168m^2, diện tích đất bà Sáng đăng ký kê khai 125,4m^2 cộng với diện tích đất ông Lâm Văn Sang đăng ký kê khai 37,7m^2 = 163,1m^2, chỉ chênh lệch 4,9m^2; theo như bản trích đo địa chính và giấy chứng nhận QSD đất đứng tên ông H thể hiện thì bà Sáng và ông Sanh đứng tên thửa 30 và 75 có tổng diện tích đất 163,1m^2, diện tích đất còn lại thuộc thửa 29 toàn bộ đất do ông H đứng tên, chứ ông Dân không có đất tại khu vực tranh chấp, vì thân tộc ông H tặng cho những người trong dòng họ, chỉ có ông Hồ sau khi được tặng cho đã bán cho vợ chồng Việt, Xuân và vợ chồng Xuân bán lại cho ông M, chứ không

có người lạ ở.

Từ phân tích trên, có cơ sở xác định phần đất tranh chấp có nguồn gốc của ông H.

Xem xét diện tích đất tranh chấp:

Tại thời điểm năm 2006, bà Sáng làm đơn xin xác nhận nguồn gốc đất thì không thể hiện sang nhượng đất từ ông Dân, mà thể hiện sang đất từ ông Việt bà Xuân diện tích 182m^2 (ngang 13m, dài 14m); qua xác minh thì bà Xuân khai bà có 12m ngang, bán cho vợ chồng ông M 11m ngang, 01m ngang còn lại bà Xuân cho ông H. Theo như bản trích đo địa chính thì QSD đất của ông M ở thửa số 30 là 125,4m^2 cộng với diện tích thửa 75 là 37,7m^2 = 163,1m^2, với diện tích này thì tương đương với diện tích đất mua từ và Xuân 12m x 14m = 168m^2; trong khi bà Sáng khai là mua từ bà Xuân ngang 13m; còn bà Xuân cho rằng bà có 12m ngang nhưng chỉ bán cho ông M 11m ngang, tặng cho ông H 01m ngang, sự việc bà Xuân tặng cho ông H 01m phía ông H và bà Xuân không đưa ra được căn cứ chứng minh nên không được chấp nhận. Theo đo đạc thực tế ông M xác định có 17m ngang, phía ông H yêu cầu giao trả 06m ngang, đồng nghĩa với việc ông M còn lại ngang 11m, là không phù hợp với quá trình sang nhượng đất từ bà Xuân với vợ chồng ông M; có căn cứ xác định ông M mua từ bà Xuân ngang 12m, nếu giao trả cho ông H 06m ngang thì ông M còn lại 11m ngang thiếu 01m; do vậy, chỉ có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu của ông H, buộc ông M giao trả cho ông H tổng diện tích 48,1m^2, cụ thể 05m ngang mặt tiền tính từ điểm M1M1', ngang hậu 05m từ điểm M2M2', chiều dài một cạnh 9,83m tính từ M1M2 giáp đất Tạ Thị Lệ (Lâm Văn Đen), chiều dài một cạnh 9,47m tính từ điểm M1'M2'; Vị trí đất thể hiện tại bản trích đo hiện trạng ngày 14/9/2020 và bản trích đo hiện trạng bổ sung ngày 03/02/2023.

Xem xét về việc sử dụng đất: Trên phần đất tranh chấp nguyên đơn và bị đơn đều không xây dựng nhà ở, công trình gắn liền với đất. Tranh chấp xảy ra từ năm 2004, cho nên ông M cho thuê chỉ cất nhà đơn sơ, sau đó người thuê tháo dỡ nhà đi; tháng 02 năm 2022 chị Ngô Thanh Th (con ông M) cất nhà tạm được sự cho phép của ông M và ông H; giữa chị Th và ông H thỏa thuận trường hợp ông H thắng kiện thì chị Th tự nguyện tháo dỡ, di dời nhà để giao đất cho ông H mà không đặt ra yêu cầu bồi thường và trong vụ án này chị Th không đặt ra yêu cầu bồi thường.

[3] Từ nhận định trên, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông H; sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc ông M giao trả cho ông H QSD đất với tổng diện tích 48,1m^2 (có chiều ngang mặt tiền 05m); chị Th có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời nhà để giao trả đất cho ông H như đã thỏa thuận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị tạm ngừng phiên tòa để xác minh nội dung: đất tranh chấp có được tạm giao cho người dân quản lý hay không và ai là người đứng tên kê khai.

Tại bút lục 145, 146 thể hiện ý kiến của Ủy ban nhân dân xã Đ: *Phần đất tranh chấp giữa ông Tạ Văn H với ông Ngô Văn Mỹ tại ấp K, xã Đ, huyện N thuộc*

quyền quản lý của UBND xã Đ theo Quyết định 520- QĐ/UB ngày 24/10/1995 v/v tạm giao đất xây dựng khu dân cư cho xã Đ, đến năm 2004 UBND huyện N có Quyết định số 559/QĐ-CTUB ngày 22/11/2004 v/v phê duyệt quy hoạch xây dựng Trung tâm xã Đ. Hiện các Quyết định này vẫn còn giá trị sử dụng.

Và trên thực tế ông Tạ Văn H giáp ranh đất tranh chấp được cấp giấy chứng nhận QSD đất năm 2012, ông Tạ Văn Ơn gần phần đất tranh chấp được cấp QSD năm 2011 và qua xác minh nhiều hộ dân ở khu vực đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất, và phần đất tranh chấp đã được đăng ký kê khai và thể hiện vị trí đất trên bản đồ địa chính của xã do Lâm Kim Sang, Lâm Văn Sáng (Sanh), Tạ Văn H đứng tên. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải tạm ngừng phiên tòa.

[5] Chi phí tố tụng: Nguyên đơn không kháng cáo về chi phí tố tụng, cho nên cấp phúc thẩm giữ nguyên nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng như án sơ thẩm đã tuyên. Nguyên đơn chịu chi phí tố tụng, đã nộp đủ.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn được miễn. Án phí phúc thẩm nguyên đơn không phải chịu.

[7] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Tạ Văn H; sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2022/DS-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ Điều 26, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013, Điều 91 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tạ Văn H.

Buộc bị đơn ông Ngô Phú M giao trả quyền sử dụng đất cho ông Tạ Văn H tọa lạc ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau với diện tích 48,1m^2 có chiều ngang mặt tiền 05m tính từ điểm M1M', có chiều ngang mặt hậu 05m tính từ điểm M2M2'; một cạnh dài 9,83m từ điểm M1M2 (giáp đất bà Tạ Thị Lệ {Lâm Văn Đen}); một cạnh dài 9,47m từ điểm M1'M2';

Vị trí đất thể hiện tại bản trích đo hiện trạng ngày 14/9/2020 và bản trích đo hiện trạng bổ sung ngày 03/02/2023.

2. Buộc chị Ngô Thanh Th tháo dỡ, di dời căn nhà để trả lại quyền sử dụng đất cho ông Tạ Văn H theo như thỏa thuận giữa chị Th với ông H.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Văn H đối với ông Ngô Phú M về việc yêu cầu ông M giao trả quyền sử dụng đất với diện tích 29,9m^2.

4. Chi phí tố tụng nguyên đơn chịu, đã nộp đủ.

5. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Tạ Văn H và ông Ngô Phú M được miễn.

6. Án phí phúc thẩm ông Tạ Văn H không phải chịu.

7. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền